TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST
Ngày: 28-4-2021
V/v "Tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Quốc Trưởng

2. Ông Võ Ngọc Bột

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê T G, sinh năm 1958; Địa chỉ: xã B, huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Lê T N L, sinh năm 1983; Địa chỉ: xã B, huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An.

Bà Lê T G có mặt, bà Lê T N L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê T G trình bày: Bà L có tham gia 02 dây hụi do bà G làm chủ thảo như sau: Dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 10-9-2016 âm lịch, loại hụi tháng, dây hụi gồm 25 phần trong đó bà L tham gia 01 phần, sau khi mở hụi bà L đã lĩnh hụi; Dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 20-11-2016 âm lịch, loại hụi tháng, dây hụi có 32 phần trong đó bà L tham gia 01 phần, sau khi mở hụi bà L đã lĩnh hụi vào kỳ thứ 02. Đối với 02 dây hụi nêu trên, bà L đã lĩnh hụi nhưng không đóng tiền hụi đầy đủ, số tiền hụi còn nợ là 42.500.000 đồng. Vì hai bên đã tổng kết nợ hụi và 02 dây hụi đã lâu

nên hiện tại bà G không xác định được số kỳ hụi và số tiền nợ từng dây hụi, chỉ xác định được tổng số tiền nợ. Đến ngày 02-01-2020, bà L có viết cam kết, thống nhất nợ bà G số tiền hụi là 42.500.000 đồng, cam kết có sự chứng kiến và xác nhận của ông Trần V C (Trưởng ấp B, xã B). Sau khi bà G khởi kiện, bà L đã trả được 1.200.000 đồng nên còn nợ 41.300.000 đồng.

Nay bà G yêu cầu bà L trả số tiền hụi là 41.300.000 đồng.

- *Ý kiến của bị đơn bà Lê T N L:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lê T N L vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy, nguyên đơn bà Lê T G khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê T N L trả số tiền 41.300.000 đồng phát sinh từ hợp đồng dân sự về hụi được quy định tại Bộ luật Dân sự và bị đơn cư trú tại xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hụi" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn bà Lê T N L:

Xét thấy bà Lê T N L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê T N L.

[3] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Lê T G:

Tại đơn khởi kiện, bà G yêu cầu tiền hụi là 42.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bà G yêu cầu bà L trả tiền hụi là 41.300.000. Xét thấy, bà G thay đổi yêu cầu khởi kiện tuy nhiên vẫn trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê T G:

Căn cứ "Giấy cam kết" ngày 02-01-2020 thể hiện nội dung bà L thống nhất còn nợ bà G số tiền hụi là 42.500.000 đồng, phía dưới "Người cam kết" có chữ ký và chữ viết họ tên "Lê T N L", cam kết nêu trên có sự chứng kiến và xác nhận của ông Trần V C (Trưởng ấp B, xã B). Ngoài ra, bà L đã nhận được đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án và biết rõ yêu cầu khởi kiện của bà G nhưng bà L không có ý kiến

phản đối. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, tình tiết do bà G trình bày là đúng sự thật và yêu cầu khởi kiện của bà G là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà L trả cho bà G tiền hụi là 41.300.000 đồng.

[5] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bà G không yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6] Về án phí:

Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.065.000 đồng, tương ứng với 5% yêu cầu khởi kiện của bà G được chấp nhận.

Bà G được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 471 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê T G đối với bà Lê T N L.

Buộc bà Lê T N L trả cho bà Lê T G số tiền là 41.300.000 đồng (bốn mươi mốt triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê T N L có nghĩa vụ chịu án phí là 2.065.000 đồng (hai triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê T G có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê T N L có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Minh Trọng